

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Tuyên và ông Ngô Văn Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:** Ông Vũ Văn Dương – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Cao Thị Hồng N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện T, Thái Bình

(Có đơn xin xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn Bích Đ, xã N, huyện T, Thái Bình

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong các buổi hoà giải, ý kiến trình bày tại các đơn gửi Tòa án, nguyên đơn là chị Cao Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế Đ tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/12/2010. Sau khi kết hôn chị và anh Đ làm ăn sinh sống tại địa phương, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và do khúc mắc về kinh tế. Hai bên đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân, hai bên không còn quan tâm, chia sẻ, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thế D, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Thế M, sinh ngày 24/10/2016, hiện tại chị đang trực tiếp nuôi cả hai con. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Thế D và Nguyễn Thế M. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Nguyễn Thế Đ vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1941; Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện T, Thái Bình là bố đẻ anh Đ xác định: Thời gian anh Đ và chị N kết hôn, quá trình chung sống như lời trình bày của chị N. Mâu thuẫn giữa hai bên phát sinh từ khoảng năm 2023 từ nguyên nhân anh, chị khó khăn trong làm ăn phát triển kinh tế. Hiện nay anh Đ và chị N ly thân. Ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị N trên cơ sở pháp luật. Văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Đ ông nhận thay anh Đ và cam kết giao và thông báo cho anh Đ.

Xác M tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình có nội dung: Chị Cao Thị Hồng N và anh Nguyễn Thế Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/12/2010. Trong quá trình chung sống hai bên bất đồng về quan điểm sống và do mâu thuẫn về kinh tế nên anh Đ và chị N sống ly thân. Nay chị N có yêu cầu giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp không hoà giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Đ và chị N có hai con là Nguyễn Thế D, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Thế M, sinh ngày 24/10/2016, hiện hai cháu do chị N trực tiếp nuôi.

Do anh Nguyễn Thế Đ vắng mặt nên không hoà giải được phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho chị Cao Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Thế Đ; Về con chung: Chị Cao Thị Hồng N và anh Nguyễn Thế Đ có hai con chung là Nguyễn Thế D, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Thế M, sinh ngày 24/10/2016, hiện tại do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Cao Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh Nguyễn Thế Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; hai bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, đề nghị cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Cao Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thế Đ vắng mặt không đến làm việc nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Thế Đ, Toà án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và toàn bộ các văn bản của Toà án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bố để anh Đ để triệu tập anh Đ về làm việc nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Cao Thị Hồng N và anh Nguyễn Thế Đ tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/12/2010, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp, không thống nhất quan điểm về phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến anh, chị ly thân. Hiện nay hai bên sống mỗi người một nơi không quan tâm, chia sẻ và không còn trách nhiệm với nhau. Chị N đề nghị giải quyết ly hôn nhưng anh Đ không đến làm việc nên không có giải pháp hoà giải cho anh, chị. Chứng cứ thu thập xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Cao Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Thế Đ.

[2.2]. *Về việc nuôi dưỡng con chung*: Chị Cao Thị Hồng N và anh Nguyễn Thế Đ có hai con chung là Nguyễn Thế D, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Thế M, sinh ngày 24/10/2016, hiện tại cả hai con chung đều do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ vắng mặt nên không rõ nguyện vọng của anh về việc nuôi dưỡng con chung; ý kiến của con cả hai con chung đều xin được ở với mẹ. Xét thấy chị N có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, đề nghị của chị N là phù hợp với pháp luật, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh, chị và nguyện vọng của con nên áp dụng các Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình giao cho chị Cao Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thế D và Nguyễn Thế M đến khi hai con đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom con chung, có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chị Cao Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Thế Đ;

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị Cao Thị Hồng N và anh Nguyễn Thế Đ có hai con chung là Nguyễn Thế D, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Thế M, sinh ngày 24/10/2016. Giao cho chị Cao Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Thế Đ và Nguyễn Thế D đến khi hai con đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom con chung, có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Cao Thị Hồng N đã nộp theo biên lai số 0004053 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Cao Thị Hồng N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Hồng N và anh Nguyễn Thế Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng Đ hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã N (nơi ĐKKH);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Thi hành án dân sự huyện T
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

